

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Khoa học cây trồng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN VĂN LỘC**

2. Ngày tháng năm sinh: 10/12/1983; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thanh Mỹ-Huyện Thanh Chương-Tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ dân phố Nông Lâm-Thị trấn Trâu Quỳ-Huyện Gia Lâm-Thành Phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nguyễn Văn Lộc, phòng 707A3D1-Khu Đô thị Đặng Xá-Xã Đặng Xá- Huyện Gia Lâm-Thành Phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0984714202; E-mail: nvloc@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 9 năm 2010: Giảng viên tại Bộ môn Cây lương thực-Khoa Nông học- Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 9 năm 2012: Học viên Cao học tại Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Kyushu Nhật Bản.

- Từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 9 năm 2014: Giảng viên tại Bộ môn Cây lương thực-Khoa Nông học- Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 9 năm 2017: Nghiên cứu sinh tại Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Kyushu Nhật Bản.

- Từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019: Tham dự khóa đào tạo ngắn hạn về nghiên cứu cây diêm mạch tại Beunos Aries Argentina.

- Từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 2 năm 2020: Học khóa học sau Tiến sĩ do quỹ Toshiba Nhật Bản tài trợ tại Trường Đại học Kyushu, Nhật Bản.

- Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 10 năm 2020: Giảng viên tại Bộ môn Cây lương thực-Khoa Nông học- Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ tháng 11 năm 2020 đến nay: Giảng viên chính tại Bộ môn Cây lương thực-Khoa Nông học-Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Phó bí thư liên chi đoàn Khoa Nông học-Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Bí thư chi đoàn Cán bộ Khoa Nông học. Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư chi đoàn Cán bộ Khoa Nông học-Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Trâu Quỳ-Huyện Gia Lâm-Thành Phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.6261.7586

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 10 năm 2007; số văn bằng: A0028107; ngành: Khoa học cây trồng, chuyên ngành: Khoa học cây trồng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (Nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 9 năm 2012; số văn bằng: 2797; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Khoa học môi trường nông nghiệp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kyushu, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 9 năm 2017 số văn bằng: 914, ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Khoa học môi trường nông nghiệp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kyushu, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông-Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- 1) Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về đặc điểm hình thái, sinh lý và sinh học phân tử liên quan đến khả năng chống chịu điều kiện ngoại cảnh bất thuận (chịu ngập, chịu hạn, chịu mặn và chịu lạnh) ở cây trồng.
- 2) Hướng nghiên cứu 2: Thu thập, đánh giá, chọn lọc và phát triển nguồn vật liệu phục vụ nghiên cứu và chọn tạo giống.
- 3) Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và công nghệ quản lý trồng trọt tổng hợp nhằm tăng giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp các loại cây trồng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (trong đó 01 Hướng dẫn 1 và 01 Hướng dẫn 2);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 4 cấp cơ sở (trong đó 01 đề tài đồng chủ nhiệm do cử đi Nghiên cứu sinh tại Nhật Bản).
- Đã công bố (số lượng) 54 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã tham gia tự công bố 04 giống cây trồng mới (Giống diêm mạch VNUA1, VNUA2, VNUA3 và giống đậu xanh TX05) và 01 đơn giải pháp hữu ích được chấp nhận hợp lệ.
- Số lượng sách đã xuất bản 02 sách giáo trình phục vụ công tác đào tạo
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Hiệp hội Khoa học cây trồng-Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (năm 2016 và năm 2018), chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, tặng giấy khen của Lãnh sự Quán, Đại sứ quán Việt Nam tại nhật bản từ năm 2015-2017.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU'

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Trong 13 năm công tác tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, tôi tự nhận thấy mình có đầy đủ tiêu chuẩn một giảng viên: Có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng lập trường kiên định, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, tâm huyết với nghề, đoàn kết và hợp tác trong giảng dạy và nghiên cứu khoa

học, luôn có tinh thần cầu thị học hỏi, giúp đỡ đồng nghiệp và người học, có đủ sức khỏe công tác và có lý lịch bản thân rõ ràng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 8 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2009-2010				04	196		196/339.5/252
2	2013-2014				07	332		332/532.5/280
3	2017-2018				09	268.2		268.2/589.7/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019				14	266.8		266.8/648.3/270
5	2019-2020				11	449.0		449.0/849.0/270
6	2020-2021			01	06	335.4	10	345.4/601.0/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS năm 2012 và luận án TS năm 2017; tại nước: Nhật Bản

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Giảng dạy bằng tiếng anh Môn học “Nguyên lý sản xuất cây trồng ôn đới và nhiệt đới” cho ngành Khoa học cây trồng tiên tiến, Khoa Nông học
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Nông nghiệp Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Thanh Hà		HVCH	X		12/2019-09/2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	25/12/2020
2	Lê Đình Thắng		HVCH		X	6/2020-11/2020	Trường Đại học Tây Nguyên	23/7/2021
Hướng dẫn HVCH chờ quyết định tốt nghiệp								
3	Trần Thị Thu Trang		HVCH	X		09/2020-09/2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Dự kiến nhận bằng vào 12/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I							
Trước khi được công nhận TS							
1							
II							
Sau khi được công nhận TS							
1	Giáo trình cây ngô	GT	2017	4	Nguyễn Thế Hùng	Chương 2, Chương 3 (trang 20-45)	Giấy chứng nhận
2	Giáo trình cây lấy củ	GT	2019	10	Tăng Thị Hạnh	Phần Cây sắn (trang 86-137)	Giấy chứng nhận

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phân ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Thu thập duy trì, tạo nguồn vật liệu ngô nỏ (<i>Zeamays L. Subsp. Evert sturt</i>) phục vụ công tác chọn tạo giống	CN	T2010-01-1 HVNNVN	1/2010- 12/2010	Biên bản họp hội đồng ngày 2/6/2010, xếp loại: Tốt
2	Đánh giá và xác định ưu thế lai về một số chỉ tiêu liên quan đến chịu ngập của một số dòng ngô ưu tú	Đồng CN	T2014-01-02VB	4/2014- 12/2014	Biên bản công nhận kết quả NCKH do HVNNVN xác nhận đạt loại: Tốt
3	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong tạo dòng và giống ngô nếp lai	TK	TTRIG200 9-01-43	1/2009- 12/2010	Biên bản nghiệm thu đánh giá kết quả đề tài ngày 18/5/2012, xếp loại: Khá
4	Nghiên cứu chế tạo và sử dụng hạt gồm xốp kỹ thuật phục vụ cây trồng ứng dụng công nghệ cao	TK	B2014-11-42	1/2014- 12/2015	Biên bản nghiệm thu đánh giá kết quả đề tài ngày 03/10/2016, xếp loại: Khá
5	Thu thập và đánh giá đặc tính quang hợp và nông sinh học của một số giống khoai môn sọ ở miền núi phía Bắc Việt Nam	TK	T2013-01-02	12/2013- 12/2014	Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đề tài do Học viện Nông nghiệp Việt Nam xác nhận, Kết quả xếp loại: Khá
6	Đánh giá khả năng thích nghi của tập đoàn giống diêm mạch (<i>Chenopodium quinoa</i> Wild) nhập nội tại Gia Lâm-Hà Nội	TK	T2013-01-06	12/2013- 12/2014	Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đề tài do Học viện Nông nghiệp Việt Nam xác nhận, Kết quả xếp loại: Khá

7	Phát triển cây trồng cải tiến cho Trung du và Miền núi phía Bắc	TG	Dự án JICA	1/2011-1/2015	-
8	Đánh giá khả năng kết hợp của các dòng ngô Nếp chất lượng tại Gia Lâm-Hà Nội	TG	T2013-16-48	12/2013-12/2014	Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đề tài do Học viện Nông nghiệp Việt Nam xác nhận, Kết quả xếp loại: Tốt
II Sau khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu sự biến đổi cấu trúc của bộ rễ liên quan đến khả năng chống chịu thiếu hụt oxy ở vùng rễ và chịu ngập úng ở cây ngô	CN	T2018-01-08	1/2018-12/2018	Biên bản công nhận kết quả NCKH do HVNNVN cấp ngày 10/6/2019, xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu di truyền độ ẩm đến sự hình thành và phân hóa rễ củ khoai lang	CN	T2018-01-02VB	3/2018-3/2019	Biên bản công nhận kết quả NCKH do HVNNVN cấp ngày 30/6/2020, xếp loại: Tốt
3	Tiếp thu và làm chủ công nghệ khai thác ảnh vệ tinh của Hoa Kỳ trong đánh giá thực trạng, dự báo năng suất phục vụ đổi mới quản lý sản xuất ngô tại Việt Nam	TK	38/FIRST/1.a/VNUA	8/2018-8/2019	Biên bản nghiệm thu đánh giá kết quả đề tài ngày 23/12/2019, công nhận kết quả 3/4/2020 của Bộ KH-CN, xếp loại: Khá
4	Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển cây diêm mạch (<i>Chenopodium quinoa</i> Wild.) tại một số vùng sinh thái phù hợp ở Việt Nam	TG	HTQT/SPĐ P/07.17	2017-2020	Biên bản nghiệm thu ngày 21/12/2020 và Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bộ KH-CN kỳ ngày 3/2/2021, xếp loại: Khá
5	Nghiên cứu ảnh hưởng của hạn đến sự phát triển bộ rễ một số loại cây thức ăn gia súc họ hòa thảo	TG	T2020-01-03	1/2020-12-2020	Số 4721/QĐ-HVN, kết quả nghiệm thu: Tốt
6	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nông	TG	ĐTĐL.CN-	2019-2020	Số 329/QĐ-

	ngiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng tại Tây Nguyên		18/18		BKHCN
Các đề tài đang thực hiện					
1	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và sinh học phân tử liên quan đến khả năng chống chịu thiếu hụt oxy và dư thừa độ ẩm cầu cây đậu tương trong các điều kiện nhiệt độ khác nhau	CN	T2019-01-01-ĐĐ	11/2019-11/2021	Đang thực hiện
2	Nghiên cứu giải pháp khoa học công nghệ thủy lợi, nông lâm kết hợp nhằm cải tạo và khai thác đất cát ven biển phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững vùng Bắc trung bộ (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị)	TG	ĐTĐL.CN-24/19	1/2019-12/2021	Đang thực hiện
3	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chuẩn về chất lượng nước tưới cho một số loại cây trồng chính (lúa, ngô, đậu tương, lạc và rau)	TG	HD số 89/KHCN	1/2019-12/2021	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Effects of different plant densities on yield and quality of hybrid baby corn	5	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004 (English Issue)			7 (2): 192-201	4/2009

2	Ảnh hưởng của việc sử dụng phân viên nén kết hợp với chế phẩm phân bón lá Komix đến sinh trưởng và năng suất giống ngô lai LVN4	2	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			7(3): 235-231	6/2009
3	Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số dòng ngô đường tự phối và xác định khả năng kết hợp về năng suất bằng phương pháp lai đỉnh	5	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			7 (6) 711-716	12/2009
4	Đánh giá ưu thế lai của một số tổ hợp ngô đường tại Gia Lâm-Hà Nội	6	Đồng tác giả	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 0866-7020			12:13-17	12/2009
5	Đánh giá và chọn lọc dòng cà chua (<i>Lycopersicon esculentum</i> Mill.) mang gen rin để tăng thời gian tồn trữ và nâng cao chất lượng của giống cà chua tươi trong vụ đông xuân ở Việt Nam	7	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			8 (1) 17-24	2/2010
6	Kết quả đánh giá đặc điểm nông học, năng suất và độ nổ của các dòng ngô nổ tại vùng Gia Lâm-Hà Nội	2	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			8 (3): 384-392	6/2010
7	Kết quả chọn tạo giống ngô nếp lai (<i>Zeamays Ceratina</i> Kalesh) giai đoạn 2005-2010 tại trường Đại học Nông nghiệp Hà	4	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			8 (6): 890-899	12/2010

	Nội							
8	Đánh giá đặc điểm nông sinh học và khả năng kết hợp của một số dòng ngô tự phối trong chọn tạo giống ngô nếp	2	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN 0866-7020			12: 9-13	12/2010
9	The application of SSR indicators to assess the purity and genetic diversity of waxy corn inbred lines	4	Đồng tác giả	Journal of the International Society for Southeast Asian Agricultural Sciences, 0859-3132.	Scopus, Q4, CiteScore 0.5	7	18(2): 45-54	7/2012
10	Growth of rice seedlings in relation to nitrogen form under water stress conditions	3	Chính	Japanese Journal of crop science, Vol.81 Extra issue 2; 0011-1848	Scopus, Q4, CiteScore 0.20		Vol.81 Extra issue 2; 246-247	9/2012
11	Sử dụng vỏ bầu hữu cơ và giá thể trồng một số loại rau tại vùng Gia Lâm –Hà Nội	6	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			11: 909-916	7/2013
12	Phản ứng của một số dòng ngô tự phối với điều kiện ngập úng thời kỳ cây con	5	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			11:926-932	7/2013
13	Ảnh hưởng của các độ ẩm đất khác nhau đến sinh trưởng và hiệu quả sử dụng nước của một số giống lúa (<i>Oryza sativa</i> L.) ở giai đoạn cây con	3	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			12 (3): 298-310	6/2014
14	Ảnh hưởng của hạn tới sinh trưởng và khả năng tích lũy chất khô ở thời kỳ cây con của lúa	5	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			12(3):317-324	6/2014

	mạch (<i>Hordeum vulgare</i> L.)							
15	Nghiên cứu ảnh hưởng của lạnh thời kỳ nảy mầm đến sinh trưởng của các dòng lúa chọn lọc từ tổ hợp lai giữa giống Indica IR24 và giống Japonica Asominori	3	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			12 (4): 477-484	8/2014
16	Ưu thế lai một số chỉ tiêu liên quan đến khả năng chịu úng của cây ngô (<i>Zeamay</i> L.)	2	Chính	Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN 1859-0004			13 (5): 694-704	10/2015
17	Genotypic variation in morphological and physiological response of soybean to waterlogging at flowering stage	4	Chính	International Journal of Agricultural Science Research, ISSN 2327-3321		10	4(8) 150-157	8/2015
18	Sử dụng giá thể gồm xốp kỹ thuật và phân chậm tan trồng cây rau húng bạc hà trong nhà có mái che tại Gia Lâm-Hà Nội	7	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			14(8): 1129-1137	8/2016
19	Analysis of factors related to the ability of root development under hypoxia condition in soybean seedlings.	4	Đồng tác giả	“The 243rd Meeting of CSSJ” at Japanese Journal of Crop Science ISSN: 0011-1848			https://doi.org/10.14829/jcsproc.243.0_23	3/2017
20	RNA-seq profiling of soybean near-isogenic lines for root development under hypoxia conditions	9	Chính	“The 243rd Meeting of CSSJ” at Japanese Journal of Crop Science,			doi.org/10.14829/jcsproc.243.0_22	3/2017

				ISSN: 0011-1848				
21	Mapping quantitative trait loci for root development under hypoxia conditions in soybean (<i>Glycine max</i> L. Merr.)	12	Chính	Theoretical and Applied Genetics, ISSN: 1432-2242	ISI-Q1, IF=5.699; H-index 179	26	130: 743-755	1/2017
22	Phenotypic variation in root development of 162 soybean accessions under hypoxia condition at the seedling stage	4	Đồng tác giả	Plant Production Science; ISSN 1343943X, 13491008	ISI-Q1, IF=2.08	18	20 (3): 322-335	7/2017
II	Sau khi được công nhận TS							
23	Sản xuất thành công giá thể hạt gồm xốp kỹ thuật	5	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN: 1859-4794			713 (8):39-40	8/2018
24	Nghiên cứu xác định và phân tích đặc điểm họ gen mã hóa protein vận chuyển sắt ở sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz)	5	Đồng tác giả	Hội khoa học quốc gia lần thứ 3, ISBN: 978-604-913-695-5			3: 447-482	3/2018
25	Sự phát triển bộ rễ ngô trong điều kiện thiếu hụt oxy và ngập úng	3	Chính	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			17 (1): 11-21	1/2019
26	Identification, Structural Analysis, and Expression Profile of Genes Related to Starch Metabolism in Cassava (<i>Manihot esculenta</i> Crantz)	5	Chính	Vietnam Journal of Agricultural Sciences, SSN 2588-1299			2: 370-375	4/2019

27	Sử dụng vỏ bầu hữu cơ kết hợp với bón phân viên nén chậm tan cho giống ngô nếp HN88	2	Chính	Tạp chí đại học Tây nguyên , ISSN: 1859-4611			39: 38-45	12/2019
28	Ảnh hưởng của các loại giá thể gồm xốp kỹ thuật và phân chậm tan đến năng suất và chất lượng của hoa lily trồng chậu	4	Chính	Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-1558			110: 12-17	1/2020
29	Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống đậu xanh mới chọn tạo ở Thanh Hóa	3	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-1558			113: 103-107	10/2020
30	The effects of a QTL for root development under hypoxia on yield of soybean exposed to 7-day waterlogging at seedling stage	4	Chính	Australian Journal of Crop Science ISSN 1835-2707 (Online) ISSN 1835-2693 (Print)	Scopus Q3, CiteScore 0.72		14 (10): 1682-1687	10/2020
31	Ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giá thể gồm xốp kỹ thuật đến sinh trưởng cây Phú Quý (<i>Aglaonema hybrid</i>) trồng nội thất	5	Đồng tác giả	Tạp chí đại học Tây nguyên , ISSN: 1859-4611			42: 75-81	6/2020
32	Mapping maize cropping patterns in Dak Lak, Vietnam Through MODIS EVI Time Series	9	Đồng tác giả	Agronomy, 2073-4395	ISI-Q1 IF = 3.417		478; doi:10.3390/agronomy10040478	4/2020
33	Ảnh hưởng của một số loại phân hữu cơ đến năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế giống ổi Đài Loan tại huyện Cu	3	Đồng tác giả	Tạp chí đại học Tây nguyên , ISSN: 1859-4611			43: 63-69	8/2020

	M'gar tỉnh Đắk Lắk							
34	Genetic variation in root development responses to salt stresses of quinoa	3	Chính	Journal of Agronomy and Crop Science, ISSN:1439-037X	ISI-Q1 IF = 3.473	5	538-547	3/2020
35	Phân tích cấu trúc và khai thác dữ liệu biểu hiện của họ gene mã hóa nhân tố phiên mã TCP ở cây bưởi (<i>Citrus Grandis</i>)	7	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			18 (4): 289-296	5/2020
36	Variation in root growth responses of sweet potato to hypoxia and waterlogging	7	Chính	Vegetos, Springer ISSN 2229-4473	Scopus-Q4 CiteScore 0.47		33: 367-375	3/2020
37	Đánh giá sinh trưởng, năng suất và chất lượng của một số loại cây thức ăn gia súc ở các lần thu cắt tại Gia Lâm-Hà Nội	6	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			18 (8): 580-587	8/2020
38	Effects of plant density on growth, yield and seed quality of quinoa genotypes under rain-fed conditions on red basalt soil regions	4	Đồng tác giả	Australian Journal of Crop Science ISSN 1835-2707 (Online) ISSN 1835-2693 (Print)	Scopus Q3, CiteScore 0.72		14: 1977-1982	12/2020
39	Phân tích mức độ biểu hiện của gen MeNF-YC đáp ứng đa yếu tố bất lợi phi sinh học ở cây sắn (<i>Manihot esculenta</i>) bằng công cụ tin sinh học	9	Đồng tác giả	Hội nghị Khoa học quốc gia về nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam DOI: 10.15625/vap.2020.00052 ISBN: 978-			14: 417-422	10/2020

				604-913-695-5				
40	Ảnh hưởng của tỉ lệ gồm xốp kỹ thuật trồng thành phần giá thể tới sinh trưởng và năng suất cây đậu bắp và ớt	3	Chính	Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-1558			123: 56-60	2/2021
41	Near-isogenic lines of soybean confirm a QTL for seed waterlogging tolerance at different temperatures	5	Chính	Euphytica Electronic ISSN 1573-5060 Print ISSN 0014-2336	ISI-Q1 IF = 1.895, H-index 104		217: 16	1/2021
42	Tổng quan về tiềm năng ứng dụng của các yếu tố phiên mã NAC trong cải thiện đặc tính chống chịu ở cây trồng	8	Chính	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			19: 684-694	5/2021
43	Đánh giá hiệu quả sử dụng màng bọc chống mất đạm trong bón phân cho cây ngô và cỏ voi tại Gia Lâm –Hà Nội	2	Chính	Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-1558			125: 50-54	4/2021
44	Dataset on the agronomic characteristics and combining ability of new parental lines in the two-line hybrid rice systems in Vietnam	6	Đồng tác giả	Data in Brief, 2352-3409	Scopus Q4, CiteScore 1.7		36:1070-69	4/2021
45	Ảnh hưởng của kích thước hạt gồm xốp đến sinh trưởng và năng suất của tía tô (<i>Perilla Frutescens</i>)	5	Chính	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN 1859-0004			19 (1): 16-24	1/2021
46	Vegetable and flower production in the Central Highlands of Vietnam: Current	13	Đồng tác giả	Vietnam Journal of Agricultural Sciences, SSN 2588-1299			3: 771-783	4/2021

	status and perspective strategies							
47	So sánh một số giống diêm mạch (<i>Chenopodium quinoa</i> Wild.) nhập nội trong mùa khô trên đất xám tại huyện Cư jut, tỉnh Đắk Nông	5	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học, Đại học Tây nguyên, ISSN: 1859-4611			48: 39-47	6/2021
48	Sandy soil reclamation using Biochar and clay-rich soil	7	Đồng tác giả	Journal of Ecological Engineering ISSN 2299-8993	ISI-Q3 Citescore = 1.8		22: 26-35	6/2021
49	Variation in quinoa roots growth responses to drought stresses	4	Chính	Journal of Agronomy and Crop Science, ISSN:1439-037X	ISI-Q1 IF = 3.473		207: 12528	6/2021
50	Variation in root development response of Napier Grass to drought stress	7	Chính	Journal of Ecological Engineering ISSN 2299-8993	ISI-Q3 Citescore = 1.8		22: 64-74	7/2021
51	Effect of combined application of Foliar Sprays of orthosilicic acid (OSA) with basal NPK fertilizer on growth and yield of rice (<i>Oryza sativa</i> L.)	11	Tham gia	Silicon	ISI-Q3, IF=2.670		8 (2021): doi.org/10.1007/s12633-021-01308-9	7/2021
52	Khảo nghiệm một số giống diêm mạch (<i>Chenopodium quinoa</i>) nhập nội trong mùa khô trên đất nâu đỏ bazan tại tỉnh Đắk Lắk	2	Tham gia	Tạp chí khoa học-Đại học Tây Nguyên, ISSN: 1859-4611			49: 40-47	7/2021

53	The effects of substrates on growth and green coverage of blue daze (<i>Evolvulus glomeratus</i>) under rooftop condition	3	Chính	Vegetos (Journal of Plant Research and Biotechnology), Springer ISSN 2229-4473	Scopus-Q4 CiteScore 0.47		https://doi.org/10.1007/s42535-021-00298-8	10/2021
54	Ảnh hưởng của lượng giống gieo sạ và mức phân đạm bón đến sinh trưởng, phát triển, năng suất giống lúa chịu ngập HL5 tại Quảng Ngãi	5	Tham gia	Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn, ISSN 1859-4581			20: 25-31	10/2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: [30], [34], [36], [41], [49], [50] và [53].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giống đậu xanh TX05	Học viện Nông nghiệp Việt Nam tự công bố lưu hành	28/7/2020 21	Đồng tác giả	5
		Cục trồng trọt-Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp bằng bảo hộ giống cây trồng mới	22/10/2021		

- Trong đó: Số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

*** Kết quả công bố giống tự lưu hành/ đơn hợp lệ giải pháp hữu ích, các sản phẩm này đang chờ quyết định bảo hộ giống cây trồng/giải pháp hữu ích**

TT	Tên giống/giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giống diêm mạch VNUA1	Học viện Nông nghiệp Việt Nam tự công bố lưu hành	5/8/2020	Đồng tác giả	4
2	Giống diêm mạch VNUA2	Học viện Nông nghiệp Việt Nam tự công bố lưu hành	5/8/2020	Đồng tác giả	4
3	Giống diêm mạch VNUA3	Học viện Nông nghiệp Việt Nam tự công bố lưu hành	5/8/2020	Đồng tác giả	4
4	Giải pháp hữu ích: “Quy trình khai thác dữ liệu và hình ảnh vệ tinh trong đánh giá thực trạng và dự đoán năng suất cây ngô	Chấp nhận đơn hợp lệ của Cục sở hữu trí tuệ, Bộ KH-CN, số đơn: 2-2019-00406	25/10/2019	Đồng tác giả	5

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Rà soát nội dung, cấu trúc các chương trình đào tạo	Thư ký	Số 2202/QĐ-HVN, ký ngày 3/8/2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cải tiến nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo hàng năm của Học viện sau rà soát	
2	Tiểu ban xây dựng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo cho ngành Nông nghiệp Công nghệ cao	Tham gia	Chương trình đào tạo đã được triển khai từ năm 2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ngành được giao chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm tại Học viện	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 0 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH được cấp bằng ThS bị thiếu:

[36] *Variation in root growth responses of sweet potato to hypoxia and waterlogging, Vegetos. Springer, ISSN 2229-4473.*

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Lạc